

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 03-01-2025.

V/v: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đức Dũng.

*Các Hội thẩm Nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thay;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Tuyết Nhung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 491/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ I, ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ I, ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 23-10-2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hoàng N chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 08-4-2013 tại Ủy ban Nhân dân (UBND) xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, ông N thường xuyên uống rượu và đánh đề nên vợ chồng cự cãi, gây gổ, đánh nhau. Nay tình cảm, hạnh phúc vợ, chồng không còn nên bà T yêu cầu xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Lê Hoàng K, sinh ngày 20-10-2013 và Nguyễn Lê Hoàng A, sinh ngày 06-7-2016. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu Hoàng K và H, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N trình bày:*

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng N thống nhất theo lời trình bày của bà Lê Thị T về thời gian chung sống vợ, chồng và đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Nay ông N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Có 02 cháu như bà T trình bày. Ông N đồng ý giao 02 cháu Hoàng K và Hoàng A cho bà T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh đối V ông Nguyễn Hoàng N; về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Lê Hoàng K, sinh ngày 20-10-2013 và Nguyễn Lê Hoàng A, sinh ngày 06-7-2016 **cho** bà T **trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục**. Ghi nhận, bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hoàng N là nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông N.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hoàng N chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 08-4-2013 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét trong thời gian chung sống vợ chồng, bà T và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N uống rượu và vợ chồng không tin tưởng nhau từ đó dẫn đến cự cãi, gây gổ và



đánh nhau. Xét tình cảm vợ, chồng giữa bà T và ông N không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông N, cho bà T được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Lê Hoàng K, sinh ngày 20-10-2013 và Nguyễn Lê Hoàng A, sinh ngày 06-7-2016. Bà T và ông N thống nhất giao cháu 02 cháu Hoàng K và Hoàng A cho bà T nuôi dưỡng và bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh đối V ông Nguyễn Hoàng N. Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Lê Hoàng K, sinh ngày 20-10-2013 và Nguyễn Lê Hoàng A, sinh ngày 06-7-2016 **cho** bà Lê Thị T **trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận**, bà Lê Thị Thanh K1 yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Hoàng N **có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.**

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hoàng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh P chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006900, ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Hoàng N có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC.THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Suối Dây;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Đức Dũng**